

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07-7-2020.
V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ôn.
2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quách Thu T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Hồng Q, sinh năm 1993.
Địa chỉ: xóm Đ, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Quách Thu T trình bày: chị và anh Bùi Hồng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã VB), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 29/6/2012. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng ban đầu có hạnh phúc. Do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng phải đi làm thuê kiếm tiền xa nhà. Kể từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày sinh vì nghị ngờ sự chung thủy; anh Q cho rằng chị T có biểu hiện ngoại tình mặc dù chị không ngoại tình. Chị T đã giải thích và hòa giải vợ chồng nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng từ cuối năm 2019 và kéo dài cho đến nay; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Quá

trình sống ly thân vợ chồng không những không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Quách Thu T thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Hồng Q. Về con chung: chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q có 01 con chung là Bùi Hoàng H, sinh ngày 25/10/2012. Hiện nay, con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị Quách Thu T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và chưa yêu cầu anh Bùi Hồng Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị Quách Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị Quách Thu T khai là không có.

Về phía anh Bùi Hồng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Bùi Hồng Q thể hiện anh Bùi Hồng Q có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Quách Thu T đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Bùi Hồng Q. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Về nguyện vọng của con chung: Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Bùi Hoàng H vì cháu Hải đã trên 7 tuổi. Cháu Bùi Hoàng H có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với mẹ là chị Quách Thu T.

Về nợ chung của vợ chồng: Đã được Tòa án xác minh, thể hiện: chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Quách Thu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn, quyền và nghĩa vụ nuôi con chung sau ly hôn.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q đã có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân thời gian dài và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng chính đáng của con; cần giao con là Bùi Hoàng H cho chị Quách Thu T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận ý kiến của chị T về việc chưa yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản do chị T không có yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Hồng Q không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Bùi Hồng Q đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Bùi Hồng Q. Do bị đơn đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q khi kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan đúng thẩm quyền, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị T và anh Q có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị T anh Q do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng phải đi làm ăn xa dẫn đến hiểu lầm lẫn lộn nhau; anh Q nghi ngờ chị T không chung thủy, có biểu hiện ngoại tình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Quá trình sống ly thân chị T, anh Q cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy, chị T và anh Q đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Thu T là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Xác nhận chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q có 01 con chung là Bùi Hoàng H, sinh ngày 25/10/2012. Khi ly hôn, chị Quách Thu T nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: phía chị T có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định còn phía anh Q hiện đi làm ăn xa, thường xuyên không sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không có chỗ ở ổn định. Hơn nữa nguyện vọng của cháu Bùi Hoàng H là muốn ở với chị T và thực tế vẫn đang ở cùng chị T. Do vậy, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ em, Hội đồng xét xử xét cân giao cháu Bùi Hoàng H cho chị Quách Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía chị Quách Thu T chưa có yêu cầu anh Bùi Hồng Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của chị Quách Thu T và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Quách Thu T vẫn có quyền yêu cầu anh Bùi Hồng Q cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Hồng Q có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Do chị Quách Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Bùi Hồng Q vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh Q nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thu T về việc xin ly hôn; cho chị Quách Thu T được ly hôn với anh Bùi Hồng Q.

2. Về nuôi con: Chị Quách Thu T và anh Bùi Hồng Q có 01 con chung là Bùi Hoàng H, sinh ngày 25/10/2012. Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Hoàng H cho chị Quách Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Hồng Q chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Quách Thu T chưa có yêu cầu. Anh Bùi Hồng Q có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Bùi Hồng Q không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Về tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Quách Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002979 ngày 15/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Quách Thu T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã VB– Lạc Sơn – HB;
- (Nơi đăng ký kết hôn ngày 29/6/2012)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn